

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26-01-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Vũ Bằng

Bà Nguyễn Kim Lên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân. Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau: Bà Võ Hồng Luyến – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Văn N, sinh năm 1962; Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau (Xin vắng).

Bị đơn: Bà Trần Mỹ N, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau (Xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 4 năm 2021, ông Võ Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Ông Võ Văn N và bà Trần Mỹ N tự nguyện kết hôn năm 1992, hôn nhân tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn, do bất đồng trong cuộc sống vợ chồng, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc nên ông Võ Văn N yêu cầu ly hôn với bà Trần Mỹ N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Hồng T, sinh ngày 19/11/1993 và Võ Minh T, sinh ngày 26/11/1996, con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án

giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 5 năm 2021, bà Trần Mỹ N trình bày:

Ông Võ Văn N và bà Trần Mỹ N tự nguyện kết hôn năm 1992, hôn nhân tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn, do bất đồng trong cuộc sống vợ chồng, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà đồng ý ly hôn với ông Võ Văn N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Hồng T, sinh ngày 19/11/1993 và Võ Minh T, sinh ngày 26/11/1996, con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung gồm: 05 công đất, đất chưa có quyền sử dụng, nguồn gốc do mẹ chồng là bà Nguyễn Thị Sai (Địa chỉ: Ấp cái Bát, xã Lợi An) cho 03 công, mua của mẹ chồng 02 công, đất hiện do bà Sai đứng tên; 01 trại cưa trị giá khoảng 15 triệu đồng.

Về nợ chung:

- Nợ mẹ ruột là Nguyễn Thị Sáu (Địa chỉ: Ấp Cái Bát, xã Lợi An) 03 chỉ vàng 24k và 9.000.000 đồng.

Bà N yêu cầu chia đôi diện tích đất, yêu cầu nhận $\frac{1}{2}$ giá trị trại cưa, ông N hoàn lại cho bà 7.500.000 đồng, giao trại cưa cho ông N, nợ chia đôi.

Tại biên bản hòa giải ngày 07/01/2022, ông Võ Văn N và bà Trần Mỹ N thống nhất tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, ông Võ Văn N và bà Trần Mỹ N yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông bà.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị không công nhận ông Võ Văn N và bà Trần Mỹ N là vợ chồng; đình chỉ yêu cầu về chia tài sản chung và nợ chung của bà Trần Mỹ N; đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Võ Văn N và bà Trần Mỹ N là tranh chấp về ly hôn, ông Võ Văn N và bà Trần Mỹ N có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời nên ông Võ Văn N và bà Trần Mỹ N khởi kiện yêu cầu giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc đề nghị vắng mặt của ông Võ Văn N và bà Trần Mỹ N, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Võ Văn N và bà Trần Mỹ N theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Ông Võ Văn N và bà Trần Mỹ N xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1992, không đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân của ông Võ Văn N và bà Trần Mỹ N đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Nay ông Võ Văn N, bà Trần Mỹ N có yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, hôn nhân không còn hạnh phúc. Xét mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của ông Võ Văn N và bà Trần Mỹ N là thực tế và đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa xét thấy là phù hợp, do đó không công nhận ông Võ Văn N và bà Trần Mỹ N là vợ, chồng.

[3] Về con chung: Đã thành niên, không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do ông Võ Văn N và bà Trần Mỹ N tự thỏa thuận về phân chia tài sản chung, nợ chung. Bà Trần Mỹ N rút yêu cầu về việc phân chia tài sản chung, nợ chung nên đình chỉ yêu cầu của bà Trần Mỹ N về chia tài sản chung giữa bà và ông Võ Văn N.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Võ Văn N và bà Trần Mỹ N.

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Trần Mỹ N về chia tài sản chung, nợ chung giữa bà Trần Mỹ N và ông Võ Văn N.

3. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, ông Võ Văn N phải chịu 300.000đồng. Ngày 06 tháng 4 năm 2021, ông Võ Văn N đã nộp tạm ứng án phí

300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004037 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu. Ngày 13 tháng 5 năm 2021, bà Trần Mỹ N có nộp tạm ứng án phí 2.625.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004969 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được trả lại

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Võ Văn N, bà Trần Mỹ N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Bùi Thị Huệ